TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA H'LEO** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 26-4-2019
Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đăng Khoa.
Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Xuân Thụ.
- Ông Hoàng Tuyển.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Mai Xuân Huân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2019/TLST - DS, ngày 01 tháng 4 năm 2019, về việc kiện "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1958; có mặt.
Địa chỉ: Thôn Tri C, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1962; có mặt.
Địa chỉ: Thôn Tri B, xã D, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
Ông Phan Thanh P, sinh năm 1967; có mặt.
Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn ông Huỳnh Văn K trình bày:

Vợ chồng ông (vợ là Nguyễn Thị T) làm nghề buôn bán tạp hóa cách đây trên mười năm, thời gian lâu rồi ông không còn nhớ cụ thể nữa, trong quá trình buôn bán bà Lê Thị T có lấy hàng tạp hóa của vợ chồng ông về bán, khi lấy hàng tạp hóa lúc có tiền thì trả ngay còn nếu chưa có thì bà T ghi nợ vào sổ cuối năm chốt rồi thanh toán.

Đến năm 2014 bà Thảo và vợ chồng ông K không buôn bán hàng tạp hóa với nhau nữa, bà T còn nợ vợ chồng ông K 28.000.000 đồng, đến ngày 21/10/2017 hai bên có chốt nợ lại và bà T hẹn đến mùa cà tới sẽ trả, nhưng chỉ trả được 5.000.000 đồng, còn nợ 23.000.000 đồng. Đến nay đã quá hạn lâu rồi, ông K yêu cầu bà T cùng chồng là ông Phan Thanh P phải trả số nợ trên như sau: Trả 10.000.000 đồng trong vòng 01 tháng, kể từ ngày 05/4/2019, số còn lại 13.000.000 đồng trả vào 01/12/2020. Ngoài ra, ông K không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai và trong quá trình làm việc bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Trước đây khoảng trên mười năm, Bà có buôn bán tạp hóa, trong quá trình buôn bán Bà có lấy hàng tạp hóa của vợ chồng Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị T về bán, khi lấy hàng tạp hóa lúc có tiền thì trả ngay còn nếu chưa có thì bà T có ghi nợ lại vào sổ cuối năm chốt rồi thanh toán (sổ của bà T). Mục đích mua bán là lấy tiền sinh hoạt cho cả gia đình.

Đến năm 2014 Bà không buôn bán nữa, lúc đó người dân tại địa phương cũng mua nợ hàng hóa của Bà không trả, nên chưa có tiền trả cho ông K, bà T được. Bà T thừa nhận tính đến năm 2014 Bà còn nợ vợ chồng ông K, bà T 28.000.000 đồng, đến ngày 21/10/2017 hai bên có chốt số nợ lại và hẹn đến mùa cà tới sẽ trả, nhưng Bà chỉ trả được 5.000.000 đồng. Hiện nay, do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng Bà không thể trả ngay số tiền này được, nên xin trả dần số này như sau: Lần 01 trả 11.500.000 đồng chậm nhất ngày 01/12/2019; Lần 02 trả 11.500.000 đồng chậm nhất ngày 01/12/2020.

Tại bản tự khai và quá trình làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vợ chồng Bà (chồng là Huỳnh Văn K) làm nghề buôn bán tạp hóa tại chợ thị trấn Ea Drăng, trong quá trình buôn bán tạp hóa bà Lê Thị T có lấy hàng tạp hóa của vợ chồng Bà về bán, khi lấy hàng tạp hóa lúc có tiền thì trả ngay còn nếu chưa có thì bà ghi nợ vào sổ cuối năm thanh toán.

Đến năm 2014 bà Thảo và vợ chồng Bà không buôn bán hàng tạp hóa với nhau nữa, bà T còn nợ 28.000.000 đồng, đến ngày 21/10/2017 hai bên có chốt số nợ lại và bà T hẹn đến mùa cà tới sẽ trả, nhưng bà T chỉ trả được 5.000.000 đồng. Nay Bà yêu cầu bà Lê Thị T phải trả 10.000.000 đồng trong vòng 01 tháng kể từ ngày 05/4/2019, số còn lại 13.000.000 đồng trả vào 01/12/2020.

Khi giao dịch buôn bán chỉ giao dịch với bà T, nhưng vì bà T lấy hàng hóa về buôn bán kiếm lời phục vụ cho gia đình nên yêu cầu chồng bà T là ông Phan Thanh P cùng trả nợ. Ngoài ra, Bà không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh P trình bày:

Ông là chồng của bà Lê Thị T, ông có biết vợ buôn bán tạp hóa cách đây lâu rồi, trong quá trình buôn bán tạp hóa bà T là người trực tiếp mua bán, giao dịch nhưng Ông có biết vợ lấy hàng tạp hóa của vợ chồng ông K, bà Nguyễn T về bán, mục đích là để kiếm tiền lời phục vụ cho sinh hoạt trong gia đình.

Đến năm 2014 bà T không buôn bán hàng tạp hóa nữa. Nay vợ chồng ông K yêu cầu vợ chồng Ông trả 23.000.000 đồng, ông chấp nhận cùng vợ trả nhưng kinh tế khó khăn nên không thể trả ngay số tiền này được, nên xin trả số nợ này như sau: Lần 01 trả 11.500.000 đồng chậm nhất ngày 01/12/2019; Lần 02 trả 11.500.000 đồng chậm nhất ngày 01/12/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn K, cần buộc bà Lê Thị T và ông Phan Thanh P trả cho ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị T 23.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Huỳnh Văn K với bị đơn bà Lê Thị T là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Vợ chồng ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị T với bà Lê Thị T có quan hệ mua bán hàng tạp hóa với nhau, theo hình thức bà T lấy hàng tạp hóa về bán, khi có tiền thì trả ngay, khi không có tiền thì ghi vào sổ mua bán của vợ chồng ông K, thời gian mua bán giữa hai bên diễn ra trước năm 2014, sau đó bà T và vợ chồng ông K không mua bán với nhau nữa, đến ngày 21/10/2017 hai bên có đối chiếu thì bà T còn nợ vợ chồng ông K, bà T số tiền 28.000.000 đồng, bà T hẹn đến mùa cà tới sẽ trả, nhưng bà T chỉ trả được 5.000.000 đồng, còn nợ lại 23.000.000 đồng. Nay ông K yêu cầu bà Lê Thị T cùng chồng là ông Phan Thanh P phải trả cho vợ chồng Ông số tiền 10.000.000 đồng trong vòng 01 tháng kể từ

ngày hôm nay, số còn lại 13.000.000 đồng chậm nhất vào 01/12/2020, nếu không đồng ý trả như vậy thì yêu cầu trả ngay 01 lần, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về lãi suất ông K, bà T không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thiết lập hợp đồng mua bán tài sản giữa vợ chồng ông Huỳnh Văn K với bà Lê Thị T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên, được quy định tại Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Nay ông K, bà Thạnh đã thực hiện xong nghĩa vụ của bên bán tài sản nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ của bên mua tài sản là phải trả đủ tiền. Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ của bên mua tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Việc bà T không thực hiện nghĩa vụ của bên mua tài sản đối với bên bán tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K, bà T, nên vợ chồng ông K yêu cầu bà T trả 23.000.000 đồng là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Đối với ông Phan Thanh P là chồng của bà Lê Thị T: Ông P cho rằng Ông không tham gia vào việc mua bán hàng tạp hóa giữa vợ chồng ông K với vợ Ông, nhưng Ông có biết việc mua bán này và mục đích vợ Ông mua bán nhằm mục đích phục vụ cho gia đình nên chấp nhận cùng bà T trả nợ cho vợ chồng ông K, nên cần buộc ông P và bà T có nghĩa vụ phải trả 23.000.000 đồng cho ông K, bà T.

[3] Về thời hạn trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án bà T, ông P xin trả dần số nợ trên nhưng ông K, bà T không đồng ý. Xét thấy, yêu cầu của bà T, ông P về thời hạn trả nợ như trên là không hợp lý và không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Vì vậy, cần buộc bà T, ông P phải trả cho ông K, bà T 23.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về lãi suất: Ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về án phí dân sự: Cần buộc bà Lê Thị T, ông Phan Thanh P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cần trả lại cho ông Huỳnh Văn K số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 428, Điều 432, Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn K. Buộc bà Lê Thị T và ông Phan Thanh P phải trả cho ông Huỳnh Văn K và bà Nguyễn Thị T số tiền 23.000.000 (Hai mươi ba triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự: Buộc bà Lê Thị T và ông Phan Thanh P phải chịu 1.150.000 (Một triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Huỳnh Văn K 575.000 (Năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo, theo biên lai số 0010853, ngày 25/3/2019.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự để tính lãi suất khi thi hành án khi đương sự có yêu cầu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn K, bà Nguyễn Thị T; bị đơn bà Lê Thị T và ông Phan Thanh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục THADS huyện E;
- Cổng TTĐT Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Đăng Khoa